

TỔNG HỢP ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG DỰ TO
(Kèm theo Nghị quyết số: /NQ-HĐND ngày /7/2

STT	NỘI DUNG	Tổng số
<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>
I	ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2026	7.976,814
1	Điều chỉnh giảm dự toán thu ngân sách 6 tháng đầu năm 2024 của các đơn vị	-7.976,814
	Điều chỉnh giảm dự toán chi ngân sách của các đơn vị dự toán cấp xã (Do luân chuyển, điều động cán bộ, công chức, viên chức, nghỉ hưu, giảm phụ cấp)	-7.976,814
2	Điều chỉnh tăng dự toán chi ngân sách 6 tháng đầu năm 2025, thu hồi về ngân sách xã	7.976,814
2.1	Tăng chi dự toán chi quản lý hành chính	2.072,814
2.3	Tăng kinh phí chi tiền lương, hoạt động và các nhiệm vụ khác sự nghiệp giáo dục	5.904,000
II	BỔ SUNG TĂNG NGUỒN THU NGÂN SÁCH NĂM 2026	17.239,806
1	Bổ sung có mục tiêu từ nguồn của tỉnh	7.154,900
1.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ đảm bảo trật tự an toàn giao thông năm 2026	178,600
1.2	Kinh phí thực hiện chính sách, chế độ ưu đãi người có công với cách mạng năm 2026	2.067,300
1.3	Kinh phí sự nghiệp khác	822,000
1.4	Kinh phí thực hiện chính sách theo Nghị quyết 29/2025/NQ-HĐND của HĐND tỉnh	12,000
1.5	Kinh phí mua sắm trang thiết bị đầu cuối của các cơ quan đảng	100,000

STT	NỘI DUNG	Tổng số
1	2	3
1.6	Kinh phí bầu cử Đại biểu Quốc hội khóa XVI và Đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026-2031	1.319,000
1.7	Kinh phí hỗ trợ sản xuất nông nghiệp, khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai gây ra trên địa bàn tỉnh năm 2025	910,000
1.8	Kinh phí mua sắm trang thiết bị đầu cuối của các cơ quan đảng	26,000
1.9	Kinh phí thực hiện công tác chỉnh lý, số hóa hồ sơ, tài liệu lưu trữ tồn đọng của các cơ quan, tổ chức Đảng	58,000
1.10	Kinh phí thực hiện đề án phát triển giao thông nông thôn (công trình đường giao thông nông thôn)	2.711,000
1.11	Điều chỉnh giảm kinh phí sự nghiệp môi trường năm 2026	-1.250,000
1.12	Kinh phí thực hiện chế độ, chính sách ưu đãi người có công với cách mạng năm 2026	121,000
1.13	Kinh phí mua sắm vật tư, trang thiết bị phục vụ công tác phòng chống thiên tai	80,000
2	Thu chuyển nguồn năm 2025 chuyển sang năm 2026	9.521,496
3	Thu kết dư năm 2025	563,409
III	BỔ SUNG TĂNG CHI NGÂN SÁCH 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2026	17.239,806
1	Số đã bổ sung dự toán chi ngân sách từ nguồn ngân sách tỉnh bổ sung	7.154,900
1.1	Bổ sung chi đầu tư phát triển	0,000
1.2	Bổ sung dự toán chi thường xuyên	7.154,900
2	Tiếp tục nhiệm vụ chi chuyển nguồn năm 2025 chuyển sang	9.521,496

STT	NỘI DUNG	Tổng số
<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>
3	Tiếp tục nhiệm vụ chi theo quy định	563,409
3.1	Chi 70% thực hiện cải cách tiền lương	394,387
3.2	Chi 30% thực hiện chi hoạt động	169,022

PHÂN NGÂN SÁCH NĂM 2026

(2026 của Hội đồng nhân dân xã Na Dương)

Đơn vị: Triệu đồng

Ghi chú
<i>4</i>
Chi tiết tại biểu số 02
Chi tiết tại biểu số 02
Quyết định số 147/QĐ-UBND ngày 26/01/2026 của UBND tỉnh Lạng Sơn
Quyết định số 147/QĐ-UBND ngày 26/01/2026 của UBND tỉnh Lạng Sơn
Quyết định số 153/QĐ-UBND ngày 27/01/2026 của UBND tỉnh Lạng Sơn
Quyết định số 153/QĐ-UBND ngày 27/01/2026 của UBND tỉnh Lạng Sơn
Quyết định số 355/QĐ-UBND ngày 28/02/2026 của UBND tỉnh Lạng Sơn

Ghi chú
4
Quyết định số 362/QĐ-UBND ngày 03/3/2026 của UBND tỉnh Lạng Sơn
Quyết định số 450/QĐ-UBND ngày 16/3/2026 của UBND tỉnh Lạng Sơn
Quyết định số 649/QĐ-UBND ngày 07/4/2026 của UBND tỉnh Lạng Sơn
Quyết định số 1010/QĐ-UBND ngày 04/6/2026 của UBND tỉnh Lạng Sơn
Quyết định số 1078/QĐ-UBND ngày 16/6/2026 của UBND tỉnh Lạng Sơn
Quyết định số 1117/QĐ-UBND ngày 19/6/2026 của UBND tỉnh Lạng Sơn
Quyết định số 1120/QĐ-UBND ngày 19/6/2026 của UBND tỉnh Lạng Sơn
Quyết định số 1141/QĐ-UBND ngày 22/6/2026 của UBND tỉnh Lạng Sơn
Quyết định số 162/QĐ-UBND ngày 09/3/2026; Quyết định số 484/QĐ-UBND ngày 23/4/2026 của UBND xã Na Dương
Công văn số 503/UBND ngày 28/4/2026 của UBND xã Na Dương về việc đề nghị hạch toán kết dư ngân sách năm 2025 vào thu ngân sách năm 2026
Chi tiết tại biểu số 03

Ghi chú
<i>4</i>
Giao UBND xã điều hành trong năm

BIỂU CHI TIẾT ĐIỀU CHỈNH GIẢM VÀ BỔ SUNG DỰ TOÁN NĂM 2026

(Kèm theo Nghị quyết số: /NQ-HĐND ngày /7/2026 của Hội đồng nhân dân xã Na Dương)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Tên đơn vị	Điều chỉnh giảm dự toán năm 2026	Bổ sung dự toán năm 2026							Tổng số tiền	Ghi chú
			Tổng cộng	Kinh phí tăng biên chế, điều động	Kinh phí nâng lương, phụ cấp lương	Kinh phí phụ cấp lâu năm từ năm 2021 đến 2024	Kinh phí hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân	Kinh phí sự nghiệp văn hóa - thông tin	Kinh phí hỗ trợ cộng tác viên dân số		
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9=2-1	C
	TỔNG CỘNG	8.906,174	929,360	289,560	459,800	33,500	5,000	80,000	61,500	-7.976,814	
1	Văn phòng HĐND và UBND	1.316,184	244,660	165,560	79,100					-1.071,524	- Giảm phụ cấp khu vực theo Thông tư số 23/2025/TT-BNV ngày 24/12/2025 của Bộ Nội vụ; phụ cấp thu hút, phụ cấp ưu đãi theo Quyết định số 191/QĐ-UBND ngày 29/01/2026 của UBND tỉnh Lạng Sơn: 426,52 triệu đồng; - Giảm kinh phí hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân: 5,0 triệu đồng; - Chuyển đi: 03 người (Ban chỉ huy quân sự): 497,16 triệu đồng; - Giảm phụ cấp Đại biểu Hội đồng nhân dân: 40 người - Chuyển đến: Lê Văn Hường
2	Phòng Kinh tế	208,000	13,000		13,000					-195,000	- Chuyển đi: Nguyễn Thị Ngọc Trâm - Giảm phụ cấp khu vực theo Thông tư số 23/2025/TT-BNV ngày 24/12/2025 của Bộ Nội vụ; phụ cấp thu hút, phụ cấp ưu đãi theo Quyết định số 191/QĐ-UBND ngày 29/01/2026 của UBND tỉnh Lạng Sơn
3	Phòng Văn hóa - Xã hội	203,790	0,000							-203,790	- Giảm kinh phí sự nghiệp văn hóa - thông tin: 80 triệu đồng; - Giảm kinh phí hỗ trợ cộng tác viên dân số: 61,5 triệu đồng - Giảm phụ cấp khu vực theo Thông tư số 23/2025/TT-BNV ngày 24/12/2025 của Bộ Nội vụ; phụ cấp thu hút, phụ cấp ưu đãi theo Quyết định số 191/QĐ-UBND ngày 29/01/2026 của UBND tỉnh Lạng Sơn: 62,29 triệu đồng.
4	Trung tâm phục vụ hành chính công	94,000	24,000		24,000					-70,000	- Giảm phụ cấp khu vực theo Thông tư số 23/2025/TT-BNV ngày 24/12/2025 của Bộ Nội vụ; phụ cấp thu hút, phụ cấp ưu đãi theo Quyết định số 191/QĐ-UBND ngày 29/01/2026 của UBND tỉnh Lạng Sơn
5	Văn phòng Đảng ủy	737,000	124,000	124,000						-613,000	- Giảm phụ cấp khu vực theo Thông tư số 23/2025/TT-BNV ngày 24/12/2025 của Bộ Nội vụ; phụ cấp thu hút, phụ cấp ưu đãi theo Quyết định số 191/QĐ-UBND ngày 29/01/2026 của UBND tỉnh Lạng Sơn - Chuyển đi: Lê Văn Hường, Chu Văn Lợi - Chuyển đến: Lường Văn Tuấn
6	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã	188,000	127,000		122,000		5,000			-61,000	- Chuyển đi: Lường văn Tuấn - Nghi thai sản: Âu Ánh Tú
7	Trung tâm dịch vụ công ích		80,000					80,000		80,000	

STT	Tên đơn vị	Điều chỉnh giảm dự toán năm 2026	Bổ sung dự toán năm 2026							Tổng số tiền	Ghi chú
			Tổng cộng	Kinh phí tăng biên chế, điều động	Kinh phí nâng lương, phụ cấp lương	Kinh phí phụ cấp lâu năm từ năm 2021 đến 2024	Kinh phí hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân	Kinh phí sự nghiệp văn hóa - thông tin	Kinh phí hỗ trợ cộng tác viên dân số		
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9=2-1	C
8	Trạm y tế xã Na Dương		61,500						61,500	61,500	
9	Trường MN Mô Na Dương	91,200	0,000							-91,200	- Chuyển đi: Triệu Thúy Kiều
10	Trường MN Quan Bản	1.022,000	74,800		74,800					-947,200	- Giám phụ cấp khu vực theo Thông tư số 23/2025/TT-BNV ngày 24/12/2025 của Bộ Nội vụ, phụ cấp thu hút, phụ cấp ưu đãi theo Quyết định số 191/QĐ-UBND ngày 29/01/2026 của UBND tỉnh Lạng Sơn
11	Trường Tiểu học Đông Quan	1.888,000	103,400		69,900	33,500				-1.784,600	
12	Trường THCS Đông Quan	1.273,000	77,000		77,000					-1.196,000	
13	Trường Tiểu học và THCS Quan Bản	1.885,000	0,000							-1.885,000	

CHI TIẾT KINH PHÍ ĐÃ QUYẾT ĐỊNH BỔ SUNG CHO CÁC ĐƠN VỊ 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2026

(Kèm theo Nghị quyết số: /NQ-HĐND ngày /7/2026 của Hội đồng nhân d

STT	Đơn vị	Nhiệm vụ chi	Tổng số tiền bổ sung
1	2	3	4
	CỘNG		7.154,900
I	VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN		
II	CHI THƯỜNG XUYỀN		7.154,900
1	Trung tâm dịch vụ Công ích	Kinh phí chi lương, chi hoạt động năm 2026; Kinh phí thực hiện chính sách theo Nghị quyết 29/2025/NQ-HĐND của HĐND tỉnh	716,000
2	Bổ sung nguồn chi ngân sách xã	Kinh phí sự nghiệp khác	118,000
3	Phòng Kinh tế	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ đảm bảo trật tự an toàn giao thông năm 2026	178,600
4	Phòng Văn hóa - Xã hội	Kinh phí thực hiện chính sách, chế độ ưu đãi người có công với cách mạng năm 2026	2.067,300
5	Văn phòng Đảng ủy	Kinh phí mua sắm trang thiết bị đầu cuối của các cơ quan đảng	100,000
6	Văn phòng HĐND và UBND	Kinh phí bầu cử Đại biểu Quốc hội khóa XVI và Đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026-2031	5,000
7	Phòng Văn hóa - Xã hội	Kinh phí bầu cử Đại biểu Quốc hội khóa XVI và Đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026-2031	1.014,000
8	Ủy ban mặt trận tổ quốc Việt Nam xã	Kinh phí bầu cử Đại biểu Quốc hội khóa XVI và Đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026-2031	300,000
9	Phòng Kinh tế	Kinh phí hỗ trợ sản xuất nông nghiệp, khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai gây ra trên địa bàn tỉnh năm 2025	910,000
10	Văn phòng Đảng ủy	Kinh phí mua sắm trang thiết bị đầu cuối của các cơ quan đảng	26,000
11	Văn phòng Đảng ủy	Kinh phí thực hiện công tác chỉnh lý, số hóa hồ sơ, tài liệu lưu trữ tồn đọng của các cơ quan, tổ chức Đảng	58,000

STT	Đơn vị	Nhiệm vụ chi	Tổng số tiền bổ sung
1	2	3	4
12	Phòng Kinh tế	Kinh phí thực hiện đề án phát triển giao thông nông thôn (công trình đường giao thông nông thôn)	2.711,000
13	Phòng Kinh tế	Điều chỉnh giảm kinh phí sự nghiệp môi trường năm 2026	(1.250,000)
14	Văn phòng Đảng ủy	Kinh phí thực hiện chế độ, chính sách ưu đãi người có công với cách mạng năm 2026	121,000
15	Phòng Kinh tế	Kinh phí mua sắm vật tư, trang thiết bị phục vụ công tác phòng chống thiên tai	80,000

TỪ NGUỒN BỔ SUNG CỦA TỈNH

lân xã Na Dương)

DVT: Triệu đồng

Số, ngày, tháng, năm quyết định
9
Quyết định số 35/QĐ-UBND ngày 28/01/2026 của UBND xã Na Dương
Quyết định số 35/QĐ-UBND ngày 28/01/2026 của UBND xã Na Dương
Quyết định số 35/QĐ-UBND ngày 28/01/2026 của UBND xã Na Dương
Quyết định số 154/QĐ-UBND ngày 06/3/2026 của UBND xã Na Dương
Quyết định số 154/QĐ-UBND ngày 06/3/2026 của UBND xã Na Dương
Quyết định số 154/QĐ-UBND ngày 06/3/2026 của UBND xã Na Dương
Quyết định số 154/QĐ-UBND ngày 06/3/2026 của UBND xã Na Dương
Quyết định số 190/QĐ-UBND ngày 24/3/2026 của UBND xã Na Dương
Quyết định số 416/QĐ-UBND ngày 07/4/2026 của UBND xã Na Dương
Quyết định số 627/QĐ-UBND ngày 25/6/2026 của UBND xã Na Dương

Số, ngày, tháng, năm quyết định
9
Quyết định số 627/QĐ-UBND ngày 25/6/2026 của UBND xã Na Dương
Quyết định số 627/QĐ-UBND ngày 25/6/2026 của UBND xã Na Dương
Quyết định số 627/QĐ-UBND ngày 25/6/2026 của UBND xã Na Dương
Quyết định số 627/QĐ-UBND ngày 25/6/2026 của UBND xã Na Dương

(Kèm theo Tờ trình số: /TTr-KT ngày 10/6/2026 của Phòng Kinh tế xã Na Dương)

(Kèm theo Tờ trình số: 86/TTr-UBND ngày 06/7/2026 của UBND xã Na Dương)

(Kèm theo Nghị quyết số: /NQ-HĐND ngày /7/2026 của Hội đồng nhân dân xã Na Dương)

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày /7/2026 của Ủy ban nhân dân xã Na Dương)

Va Dương)
1 Dương)